TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2025/HS-ST
Ngày 07 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Nhung và ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Hội trường A Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 23 /01/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hoá ; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 3. Tiền sự: Không có.

Tiền án:

+ Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 276, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2021, đóng án phí 8/9/2020

+ Ngày 04/4/2023, Toà án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 91, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2024, nộp án phí ngày 22/8/2023.

Nhân thân: Ngày 30/01/2019, Toà án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 12 tháng, theo Quyết định số 34, chấp hành xong quyết định ngày 30/8/2019

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 20/10/2024, có mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Tổ 17 ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 0/12; con ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và con bà Kiều Thị P, sinh năm 1972; bị cáo có 02 con ruột sinh năm 2020 và năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt giam ngày 20/10/2024, có mặt

Bị hại: Anh Y Phiên K, sinh năm 1994; thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: 85/15 đường D9T743 khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diên biên tai phiên toa, nôi dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 20/10/2024, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 84L1-441.91 chở Nguyễn Xuân H đi làm từ công trình tại đường X, phường M, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh về phòng trọ của H tại phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi H rủ T tìm xe mô tô của người dân để sơ hở để lấy. Tấn tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H chạy trên các tuyến đường thành phố A tìm tài sản. Khi cả hai lưu thông đến khu vực trước nghĩa trang liệt sỹ thành phố A thuộc khu phố A, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương gặp anh Y Phiên K đang nằm ngủ trên ghế đá trước nghĩa trang, bên cạnh dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 47AP- 010.06. Lúc này T dừng xe cách anh Y Phiên K nằm khoảng 10 mét và đưa cho H 01 đầu đoản bằng kim loại và 01 thanh kim loại hình chữ L được dán băng keo đen. H đi bộ đến chỗ anh Y Phiên K còn T ngồi trên xe cảnh giới, khi H đến nhìn thấy kế bên anh Y Phiên K nằm có 01 chùm chìa khóa, H lấy chùm chìa khóa cắm vào ổ khóa xe để mở khóa xe mô tô, lúc này lực lượng Công an phường H tuần tra phát hiện bắt giữ T và H.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 47AP- 010.06, số máy G3D4E952534, số khung RLCUG1010KY184101.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh đen, biển số 84L1- 441.91, số khung RLCUG 0610HY548760, số máy G3D4E572594.

+ 01 chìa khóa xe gắn máy (gồm móc khóa kim loại, chìa khóa, remote); 01thanh kim loại hình chữ L được quấn băng keo màu đen.

Kết luận định giá tài sản số 195 ngày 18/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự - thành phố A, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 47AP - 010.06, số máy G3D4E952534, số khung RLCUG1010KY184101 có giá 23.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 47AP- 010.06, số máy G3D4E952534, số khung RLCUG1010KY184101; 01(một) chìa khóa xe gắn máy (gồm móc khóa kim loại, chìa khóa, remote) đã trả cho bị hại anh K.

- Xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh đen, biển số 84L1- 441.91, số khung RLCUG 0610HY548760, số máy G3D4E572594. Quá trình điều tra,Trần Văn T khai xe mượn của người bạn tên C (không rõ nhân thân). Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng Chung. Đồng thời xác minh xe trên thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995. Hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Xe mô tô trên bị mất trộm vào ngày 18/10/2024 thành phố A, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã chuyển xe và thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A thụ lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Anh K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 60/CT – VKS-DA ngày 14 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản"

theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt Bộ luật hình sự); bị cáo Nguyễn Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tai điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự . Áp dụng Điều 15 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và H. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét căn cứ

Điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 15, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H tư 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Khoản 1 Điều 173, Điều 15, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ 01 đầu đoản bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình chữ L

Bị cáo T, H không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Xin được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Xuân H: Khoảng 04 giờ ngày 20/10/2024, T và H bàn bạc sau đó lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số 47AP- 010.06 có trị giá 23.000.000 đồng của anh Y Phiên K (anh Y Phiên K đang nằm nghế đá ngủ), khi H mới tra chìa khoá xe vào ổ khoá xe thì bị lực lượng Công an phường H tuần tra bắt giữ. Như vậy, hành vi trên của bị cáo T , H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" (chưa đạt).

[2.1] Đối với bị cáo H đã tái phạm, lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Bản cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 14/01/2025 của Viện kiểm sát thành phố A, tỉnh D truy tố các bị cáo cũng như trình bày luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bi cáo T, H không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tình tiết trên được quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân rất xấu thể hiện việc nhiều lần bị xét xử hình sự, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Lần phạm tội này thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật. Bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 07 năm tù; bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù. Các bị cáo thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm pham đến tài sản hợp pháp của bị hại trong vụ án được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người rủ bị cáo T thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, bị cáo T, H tham gia với vai trò thực hành.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử không xét.

[9] Đối với vật chứng thu giữ gồm 01 đầu đoản bằng kim loại; 01 thanh kim loại hình chữ L. Vật chứng sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Cần tuyên tịch thu tiêu huỷ.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố A, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo H, T phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H, Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" (Chưa đạt)

1.1 Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 15, Điều 57, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 15, Điều 57, điểm i,s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù đối với bị cáo T, H tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 20/10/2024.

2. Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư đã niêm phong bên trong có 01 đầu đoản bằng kim loại và 01 thanh kim loại hình chữ L được quấn băng keo màu đen (có chữ ký của H1, H2, H3)

Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Xuân H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Chi cục THA dân sự Thành phố;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD**;**
- TAND tỉnh BD;
- VKS tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh